

GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP SAU GẦN 3 NĂM VIỆT NAM GIA NHẬP AEC

Ths. Trần Thị Hà

Ths. Phạm Tiến Đạt

Viện Chiến lược và Chính sách tài chính

Sau gần 3 năm Việt Nam tham gia vào Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), với việc được tiếp cận một thị trường rộng lớn và thống nhất với hơn 625 triệu dân, quy mô kinh tế tính theo GDP đạt 2.600 tỷ USD, đồng thời AEC cũng là khu vực giao thoa của nhiều Hiệp định thương mại song phương và khu vực, các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp Việt Nam đã tận dụng được cơ hội này để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang các nước trong khu vực, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, bên cạnh đó AEC cũng đem đến nhiều khó khăn nhất là cạnh tranh trong lĩnh vực nông nghiệp. Bài viết tập trung phân tích các thành tựu của ngành nông nghiệp Việt Nam khi gia nhập AEC, cùng với các hạn chế Việt Nam còn gặp phải và thông qua đó kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả đối với các doanh nghiệp nông sản Việt.

Thành lập AEC với 3 trụ cột quan trọng

Nhằm thúc đẩy hợp tác và hội nhập kinh tế trong khu vực, ASEAN đã hướng tới mục tiêu xóa bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan giữa các nước thành viên. Năm 1992, theo sáng kiến của Thái Lan, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN họp tại Singapore đã quyết định thành lập một Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA). AFTA được hình thành trên cơ sở chính là Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (Common Effective Preferential Tariff - CEPT). Nghĩa vụ chính của các nước thành viên khi tham gia Hiệp định này là thực hiện việc cắt giảm và xóa bỏ thuế quan theo một lộ trình chung có tính đến sự khác biệt về trình độ phát triển và thời hạn tham gia của các nước thành viên. AFTA chủ yếu tập trung vào tự do hóa trong lĩnh vực thương mại hàng hóa để hình thành một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất của khu vực. Theo cam kết, các nước thành viên phải giảm thuế nhập khẩu xuống 0-5% trong vòng 10 năm. Theo đó, 6 nước thành viên cũ của ASEAN, gồm Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippine, Singapore và Thái Lan sẽ hoàn thành việc cắt giảm thuế quan xuống 0-5% vào 2003 và đối với Việt Nam là 2006. Tuy nhiên, để theo kịp xu thế hội nhập khu vực và toàn

cầu hóa, các nước ASEAN đã cam kết xóa bỏ hoàn toàn thuế quan vào năm 2010 đối với ASEAN 6 và 2015 có linh hoạt đến 2018 đối với 4 nước thành viên mới là Lào, Campuchia, Myanmar và Việt Nam (CLMV). Như vậy đến 2015, Việt Nam sẽ cơ bản xóa bỏ thuế quan với các mặt hàng. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, các nước ASEAN đã cơ bản hoàn thành việc cắt giảm thuế quan theo lộ trình tự do hóa thương mại của AFTA, trong đó 99,65% số dòng thuế của các nước ASEAN-6 đã được xóa bỏ và 98,86% số dòng thuế của các nước ASEAN-4 (gồm Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam) đã được giảm về mức 0-5%. Tính tới năm 2017, 99,2% số dòng thuế đã được xóa đối với các nước ASEAN-6, trong khi 90,9% số dòng thuế của các nước gia nhập sau là Campuchia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam đã được loại bỏ. Dự kiến, cuối năm 2018, tỉ lệ xóa bỏ thuế quan trong toàn ASEAN sẽ đạt 98,67%. Tính đến năm 2018, tỷ lệ xóa bỏ thuế quan của Việt Nam trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) là 98%. Như vậy, trong số 12 FTA mà Việt Nam đang thực hiện, FTA với nội khối ASEAN (AFTA) có tỷ lệ xóa bỏ thuế quan cao nhất với lộ trình thực hiện là 19 năm, cá biệt, một số ít mặt hàng có lộ trình là 25 năm.

Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 12 (tháng 01 năm 2007 tại Philippines), các Nhà Lãnh đạo đã ký Tuyên bố Cebu về việc đẩy nhanh xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 trên ba trụ cột: kinh tế, chính trị- an ninh và văn hóa- xã hội, trong đó trụ cột kinh tế có vai trò trọng tâm với tiêu chí hình thành AEC. Các Nhà Lãnh đạo cũng đã thông qua Kế hoạch Tổng thể xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC Blueprint). AEC được hiểu như một khuôn khổ hội nhập kinh tế với mức độ sâu sắc hơn giữa các thành viên. Theo đó, hàng hóa, dịch vụ, vốn, đầu tư và lao động kỹ năng sẽ được lưu chuyển tự do hơn giữa 10 nước thành viên; thúc đẩy việc thực hiện sáng kiến hội nhập 12 ngành ưu tiên trong ASEAN (gồm 7 ngành hàng hóa là nông sản, thủy sản, điện tử, đồ gỗ, cao su, ô tô, dệt may và 5 ngành dịch vụ là du lịch, y tế, vận tải hàng không, công nghệ thông tin và hậu cần (logistics)); các sáng kiến thu hẹp khoảng cách phát triển; hợp tác với các đối tác ngoài khối và hội nhập toàn cầu.

Các cam kết của AEC trong lĩnh vực hàng hóa được thực hiện theo cam kết của Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA). Hiệp định ATIGA được ký kết ngày 26/2/2009 tại Hội nghị cấp cao lần thứ 14, tại Thái Lan giữa các thành viên ASEAN. Chính phủ Việt Nam phê duyệt thực hiện tại công văn số 1012/TTg-QHQT, có hiệu lực từ ngày 17/5/2010. Đối với danh mục

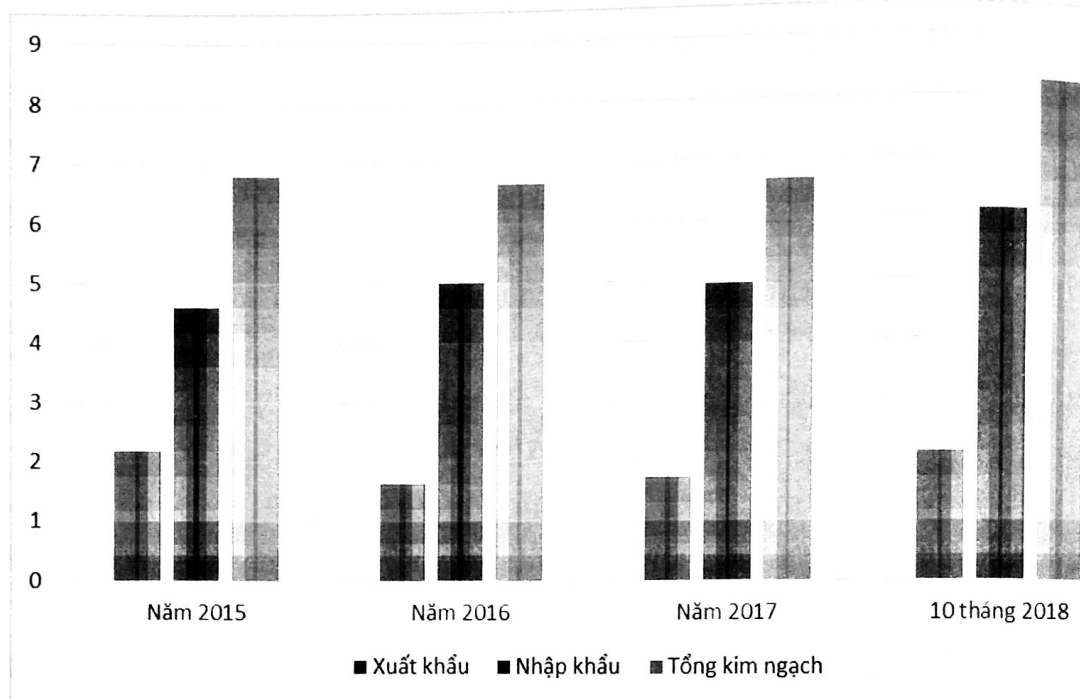
tổng thể: Cắt giảm về 0-5% vào ngày 01/01/2009. Cắt giảm về 0% vào ngày 1/1/2015, trong đó 7% dòng thuế được linh hoạt đến năm 2018. Đối với ngành chăn nuôi, theo lộ trình của ATIGA, thuế đối với các mặt hàng như thịt gà, thịt lợn, thịt bò/trâu, bò và phụ phẩm và thịt khác sẽ dần loại bỏ vào năm 2018.

Những bước đi đầu tiên còn gặp khó khăn

Mặc dù, ASEAN là khu vực thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 của Việt Nam, chỉ đứng sau thị trường Liên minh châu Âu (EU), Hoa Kỳ và Trung Quốc. Nhưng theo Tổng cục Hải quan, năm 2016 – năm đầu tiên AEC chính thức có hiệu lực, kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản sang các nước ASEAN chỉ đạt hơn 1,6 tỷ USD, giảm 20,3% so với năm 2015. Đáng nói là các mặt hàng giảm mạnh nhất đều là những sản phẩm chủ lực: Cao su (giảm 40,7%), gạo (giảm 48,8%), hồ tiêu (giảm 25,5%), sắn và các sản phẩm từ sắn (giảm 19,2%)...Đối với mặt hàng gạo, tính đến hết năm 2016, ba thị trường trọng điểm trong ASEAN sụt giảm nghiêm trọng về sản lượng so với năm 2015, đó là: Philippines (giảm 65%), Malaysia (giảm 48,1%), Singapore (giảm 30,7%). Sự sụt giảm kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản sang các nước ASEAN một phần do sản lượng giảm, phần khác bởi giá hàng nông sản như cà phê, cao su, sắn giảm mạnh. Cụ thể, trong năm 2016, giá cà phê giảm 21,2%, cao su giảm 12,5%, sắn giảm 14,4%. Riêng cà phê, giá giảm đã khiến kim ngạch xuất khẩu giảm tới gần 59 triệu USD. Năm 2016, trong 100% hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam chỉ có khoảng 9,8% vào ASEAN, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ xuất khẩu trung bình trong khu vực là 24%. Tương tự, tỷ lệ nhập khẩu của Việt Nam từ ASEAN khoảng 13,7%, trong khi trung bình khu vực là 22%.

Biểu đồ 1: Tổng kim ngạch xuất nhập hàng nông⁸⁶, thủy sản Việt Nam- ASEAN trong các năm 2015 – 2017 và 10 tháng 2018

(Đơn vị: tỷ USD)



(Tác giả tổng hợp từ các báo cáo của Tổng cục Hải quan)

Thực tế trên phản ánh các doanh nghiệp xuất khẩu đã gặp phải các khó khăn nhất định khi đón nhận vận hội mới. Xuất phát từ chính cách triển khai hoạt động sản xuất, nông nghiệp trong thời gian qua chủ yếu dựa trên khai thác tài nguyên thiên nhiên, nhưng không đi kèm với việc cải tạo, tái tạo có hiệu quả. Điều này làm tăng mức độ ô nhiễm và suy yếu nguồn tài nguyên thiên nhiên (rừng đước ven biển, tài nguyên nước ngầm ở Tây Nguyên, nguồn lợi hải sản ven bờ, đa dạng sinh học...). Trong khi đó, môi trường ở nông thôn cũng chưa được quản lý tốt. Ô nhiễm nước thải, khí thải ở các khu công nghiệp, làng nghề đang trực tiếp làm suy thoái môi trường, gây nguy hiểm cho sinh kế bền vững của người dân và làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản. Khi lợi thế thiên nhiên mất dần, sản lượng và chất lượng nông sản của Việt Nam sẽ giảm, năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế theo đó cũng suy yếu. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu đã và đang diễn ra, ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp Việt Nam. Theo các kịch bản biến đổi khí hậu của Việt Nam, vào cuối

⁸⁶Nông sản bao gồm: Chè, gạo, cà phê, cao su, hạt điều, sắn và sản phẩm từ sắn.

thế kỷ 21, sẽ có khoảng 40% diện tích vùng Đồng bằng sông Cửu Long, 11% diện tích vùng Đồng bằng sông Hồng và 3% diện tích của các địa phương khác thuộc khu vực ven biển sẽ bị ngập nước. Khi đó sẽ có khoảng 10-12% dân số Việt Nam bị ảnh hưởng trực tiếp, với tổn thất khoảng 10% GDP. Mặt khác, số lượng các cơn bão, sự tàn phá của từng trận bão, thời tiết lạnh và nóng đã xuất hiện một cách bất thường. Dự báo, các tỉnh Tây Nguyên và miền Trung sẽ bị hạn nhiều hơn; số đợt không khí lạnh, rét đậm, rét hại sẽ xuất hiện nhiều hơn ở các tỉnh phía Bắc và Bắc Trung Bộ.

Một trong những hạn chế của nông nghiệp Việt Nam chính là đội ngũ khoa học nông nghiệp còn hạn chế về năng lực nghiên cứu, còn thiếu cán bộ đầu ngành giỏi; nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ như: Công nghệ sinh học thiếu nhân lực trình độ cao nên chậm được triển khai; điều kiện vật chất kỹ thuật của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo còn lạc hậu, không đồng bộ, dẫn đến tình trạng đào tạo nhân lực cho khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn chưa gắn lý thuyết với thực hành, thiếu các nghiên cứu chuyên sâu trên một đơn vị sản phẩm. Khoa học công nghệ còn chưa được đầu tư và quan tâm đúng mức do vậy còn lạc hậu, chưa tạo ra được các bước đột phá cho hoạt động sản xuất. Mức độ đầu tư toàn xã hội cho nông nghiệp thấp, mặc dù một số doanh nghiệp lớn đã bắt đầu chuyển sang đầu tư vào nông nghiệp nhưng nhìn chung vẫn còn rất ít, chỉ khoảng vài phần trăm; đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp không đáng kể. Việc xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao chậm chuyển biến, chưa tạo đột phá để nâng cao giá trị gia tăng và tạo cơ sở vững chắc cho chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng hiệu quả bền vững. Thiết bị và công nghệ chế biến sau thu hoạch còn lạc hậu, kết cấu hạ tầng phục vụ bảo quản chế biến còn chưa phát triển, quy mô nhỏ, tỷ lệ hao hụt, thất thoát cao.

Sau cùng, Việt Nam chưa thực sự tận dụng tốt những ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang thị trường khu vực thời gian qua. Cụ thể, theo thống kê của Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI), tỷ lệ tận dụng ưu đãi Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) năm 2016 là 31,8%, cao hơn năm 2015 là 24,2%, tỷ lệ này vẫn thấp, cao nhất vẫn là tận dụng ưu đãi trong Hiệp định ASEAN – Hàn Quốc với tỷ lệ khoảng 60% trong năm 2015. Chưa kể đến là sự hiểu biết của các doanh nghiệp xuất khẩu trong nước về AEC còn hạn chế. Chỉ có 46,79% doanh nghiệp chủ động tìm hiểu thông tin về AEC. Trong gần 94% doanh nghiệp biết về AEC thì chỉ có 16,4% thực sự hiểu rõ về những cam kết khu vực kinh tế thương mại này.

Nắm bắt được cơ hội và đạt được những thành tựu quan trọng bước đầu

Sau những bước đi đầu tiên còn gặp phải những khó khăn, các doanh nghiệp Việt Nam đã từng bước thay đổi để nắm bắt cơ hội và vươn lên. Bên cạnh đó là sự hỗ trợ to lớn từ phía các cơ quan Nhà nước trong việc tạo hành lang, pháp lý thuận lợi đồng thời là các chính sách khuyến khích phát triển giúp nâng tầm doanh nghiệp.

Gia nhập AEC đã mang lại những tiềm năng to lớn cho các doanh nghiệp trong khối khi có điều kiện tham gia vào chuỗi cung ứng nông sản thế giới. Các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam sang các đối tác trong AEC, CPTPP, EVFTA, các cơ chế khác, rộng hơn là WTO... nên tác động của những cơ chế liên kết này lên kim ngạch xuất khẩu sẽ là không đáng kể. Đồng thời, việc này cũng giúp thu hút đầu tư vào ngành nông nghiệp, nhất là đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ ngành nông nghiệp - những lĩnh vực hiện nay còn bỏ ngỏ do thiếu nguồn lực. Các tác động lan tỏa từ gia tăng đầu tư vào nông nghiệp sẽ thực sự quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam, khi gánh nặng của ngành nông nghiệp nội địa được san sẻ. Bên cạnh đó, là thúc đẩy cải cách thể chế, môi trường kinh doanh trong nước, việc làm mà người sản xuất thực sự mong đợi trên cơ sở hệ thống chính sách sẽ được điều chỉnh phù hợp với thông lệ quốc tế. Những thay đổi này một mặt tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng, mặt khác đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải tự đổi mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho phù hợp với hoàn cảnh.

Sau bước đi đầu tiên còn nhiều khó khăn, bước sang năm 2017, tình hình xuất nhập hàng nông sản vào ASEAN của Việt Nam đã có những khởi sắc nhất định. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch hàng hoá giữa Việt Nam và các nước ASEAN trong năm 2017 đạt 49,53 tỷ USD, tăng 19,6% so với năm 2016 và chiếm 11,7% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Trong đó, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nông, thủy sản đạt 2,12 tỷ USD, chiếm 4,5% trong tổng kim ngạch hàng hóa trao đổi giữa Việt Nam với ASEAN. Riêng tổng kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản đạt 1,71 tỷ USD tăng 0,06 tỷ USD so với năm 2016, tương đương với 3,5%, đây là con số đáng khích lệ nếu biết rằng năm 2016 xuất khẩu Việt Nam đã giảm tới 20,3% so với năm 2015. Trong khi đó, tổng kim ngạch nhập khẩu nông, thủy sản đạt mức tăng 0,01 tỷ USD. Ba thị trường xuất khẩu nông, thủy sản chủ lực trong

khu vực ASEAN của Việt Nam là Malaysia, Philippines và Thái Lan; tổng kim ngạch xuất khẩu lần lượt đạt 0,50 tỷ USD; 0,49 tỷ USD; 0,43 tỷ USD.

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, quan hệ thương mại Việt Nam – ASEAN trong lĩnh vực nông nghiệp tiếp tục có dấu hiệu khởi sắc trong 10 tháng đầu năm 2018 khi giá trị trao đổi được gia tăng và cao hơn trong cả năm 2017. Cụ thể: kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản đạt 2,13 tỷ USD (bằng 124% so với cả năm 2017) và kim ngạch nhập khẩu nông, thủy sản đạt 6,1 tỷ USD (bằng 124% so với cả năm 2017). Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 8,24 tỷ USD (bằng 124% so với cả năm 2017). Đáng chú ý là bên cạnh những thị trường xuất khẩu chủ lực truyền thống thì đã xuất hiện thêm thị trường mới như Indonesia. Như vậy, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng nông, thủy sản sang 4 quốc gia trong khu vực ASEAN có giá trị cao nhất lần lượt là Philippines (0,572 tỷ USD), Indonesia (0,513 tỷ USD), Malaysia (0,446 tỷ USD) và Thái Lan (0,41 tỷ USD).

Các giải pháp góp phần đưa nông nghiệp phát triển trong thời gian tới

Để tận dụng được nhiều hơn những lợi thế và cơ hội từ việc tham gia AEC, cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh cần thiết cho các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia sâu rộng hơn vào sân chơi quốc tế, cần có những giải pháp đồng bộ từ Chính phủ và cơ quan hữu quan, trong đó cần chú trọng một số giải pháp sau:

Thứ nhất, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ trong việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho ngành theo hướng quy hoạch rõ các vùng sản xuất, tạo ra sự liên kết vùng nhằm mở rộng quy mô sản xuất, chế biến sản phẩm theo hướng bán công nghiệp và công nghiệp, giảm thiểu được tình trạng sản xuất kinh doanh manh mún, nhỏ lẻ; Các chính sách về khuyến khích đầu tư khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng lao động trong ngành cũng cần được chú trọng. Tại các địa phương, cần tăng cường công tác phòng chống bệnh dịch, kiểm soát vệ sinh dịch tễ cho các khu vực sản xuất nông nghiệp, đồng thời chú trọng công tác vệ sinh môi trường vùng, khu vực sản xuất nông nghiệp nhất là đối với ngành chăn nuôi. Xây dựng, củng cố mạng lưới tổ chức thú y từ tỉnh đến cơ sở, thực hiện tốt các quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn cho sản xuất. Bên cạnh đó, cũng cần tăng cường công tác tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật và công nghệ cho các cán bộ trong ngành cũng như

các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nông nghiệp nhất là các doanh nghiệp xuất khẩu.

Mặt khác, Nhà nước cần tiến hành các hoạt động xúc tiến thương mại thông qua các Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư tạo các kết nối cần thiết ở cấp quốc gia và doanh nghiệp với các nước trong khu vực nhằm tăng cường khả năng tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Các cơ quan ban ngành liên qua cũng cần nghiên cứu, phổ biến những quy định mới, sự thay đổi trong chính sách của các nước trong khu vực trong việc nhập khẩu hàng hóa để các doanh nghiệp kịp thời cập nhật, điều chỉnh hoạt động cho phù hợp. Việc này sẽ giúp các doanh nghiệp thâm nhập tốt hơn vào thị trường các nước.

Thứ hai, đổi mới mô hình tăng trưởng, tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, quy hoạch nông nghiệp theo hướng dựa vào thị trường mở và bảo tồn diện tích đất nông nghiệp. Trong thời gian tới, cần tập trung mạnh vào tái cơ cấu đầu tư công và dịch vụ công trong nông nghiệp, tạo ra môi trường thuận lợi cho hình thành có hiệu quả và bền vững chuỗi giá trị nông sản dựa trên lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương; tập trung phát triển sản phẩm có lợi thế so sánh, có khả năng cạnh tranh và thị trường tiêu thụ; đa dạng hóa thị trường, cả trong nước lẫn xuất khẩu; đầu tư phát triển nhân lực trong nông nghiệp.

Đồng thời, tiếp tục quy hoạch phát triển nông nghiệp cả trong mục tiêu trung hạn và dài hạn, để có chiến lược bảo tồn và sử dụng các tài nguyên nông nghiệp một cách có hiệu quả. Đối với loại đất nông nghiệp, cần tạo điều kiện cho người sử dụng đất quyết định phương thức sử dụng từng loại đất phù hợp theo tín hiệu thị trường hơn là cố định phương thức sử dụng cho từng loại đất. Nông dân có thể chuyển sang trồng hoa, cây cảnh, rau màu, các nông sản khác có giá trị hơn theo tín hiệu thị trường.

Thứ ba, chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Trong thời gian tới, Nhà nước cần tập trung nâng cao năng lực quản lý và ứng phó rủi ro liên quan đến thời tiết và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cũng như các rủi ro về thị trường; Cải thiện hệ thống dự báo, cảnh báo sớm và gắn kết hệ thống này với dịch vụ tư vấn nông nghiệp; Thay đổi phương pháp canh tác và lựa chọn giống phù hợp với các vùng đất có những biến đổi khác nhau về khí hậu; Xây dựng năng lực nghiên cứu và phát triển để có thể giải quyết được những thách thức mới nảy sinh của quá trình biến đổi khí hậu và nước

biên dân; Thúc đẩy thị trường bảo hiểm nông nghiệp, tăng cường khả năng ứng phó của nông dân đối với rủi ro, bảo đảm nông nghiệp ít có sự tác động xấu của biến đổi khí hậu; Các địa phương, nhất là các tỉnh ở vùng thấp cần có kế hoạch ứng phó kịp thời, bố trí sản xuất nông nghiệp phù hợp.

Thứ tư, ngành nông nghiệp cần tăng cường liên kết sản xuất, theo đó liên kết ngang trong ngành để tạo ra các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp mũi nhọn, thu hút các vệ tinh là các hộ chăn nuôi, trồng trọt nhỏ hoặc các doanh nghiệp nhỏ, quy hoạch thành các vùng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, trồng trọt; cụm công nghiệp dịch vụ hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt. Liên kết dọc đầy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi khép kín. Một doanh nghiệp lớn quản lý toàn bộ chuỗi cung ứng từ đầu vào, sản xuất, chế biến, đóng gói, phân phối và bán lẻ, ở mỗi mắt xích sẽ quyết định tự cung tự cấp hoặc thuê bên ngoài dựa trên cạnh tranh về giá. Liên kết như vậy giúp giảm chi phí trung gian, ổn định đầu vào đầu ra, tận dụng lợi ích kinh tế nhờ quy mô mà còn giúp giảm ô nhiễm môi trường do các loại rác thải được tập trung xử lý qua nhà máy hoặc tái chế làm thức ăn, phân bón, sản xuất điện.

Đồng thời cần gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm: khuyến khích hình thức hợp tác, liên kết sản xuất với vai trò trung tâm của doanh nghiệp để phát triển hoạt động sản xuất chế biến sản phẩm; Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ để quảng bá thương hiệu, tìm kiếm đối tác, công nghệ. Quảng bá kết nối giữa sản xuất và tiêu dùng thông qua các doanh nghiệp đầu mối, các siêu thị, các cơ sở, chợ, cửa hàng... để đưa sản phẩm tiếp cận người tiêu dùng thuận lợi.

Thứ năm, các doanh nghiệp cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa để nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động, sáng tạo, không ngừng tự đổi mới, xây dựng chiến lược kinh doanh cụ thể để thâm nhập thị trường. Theo đó, để hàng hóa, sản phẩm Việt Nam xuất đi các thị trường doanh nghiệp cần phải có chiến lược kinh doanh, theo sát xu hướng tiêu dùng của người dân mỗi nước ASEAN, liên kết với nhà phân phối nội địa uy tín, có năng lực... đây là việc làm quan trọng bởi sản phẩm của mỗi nước, mỗi doanh nghiệp đều nằm trong chuỗi giá trị của khu vực hay chuỗi giá trị toàn cầu.

Bên cạnh đó, cần chủ động đổi mới khoa học công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, năng lực khoa học công nghệ trong sản xuất cũng như chế biến sản phẩm. Nghiên cứu, áp dụng thành tựu khoa học của thế giới vào sản xuất

sản phẩm nhằm đáp ứng các yêu cầu khắt khe về kiểm soát hàng hóa nhập khẩu cũng như yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Ngoài ra, các doanh nghiệp cần chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường mới trong khu vực, đặc biệt doanh nghiệp Việt cần trang bị các kiến thức về pháp lý, kỹ thuật hoặc các điều kiện cần thiết xuất khẩu hàng hóa vào các nước đạo Hồi khi mà phần lớn dân số các nước Indonesia và Malaysia theo đạo Hồi. Đây là khu vực thị trường giàu tiềm năng và còn bỏ ngỏ trong thời gian qua./.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Tài chính quốc tế và Chính sách hội nhập (2016), Nghiên cứu khảo sát, đánh giá tác động của việc tham gia AEC đến các ngành/lĩnh vực kinh tế của Việt Nam, Chương trình nghiên cứu khảo sát cấp viện năm 2016;
2. TS. Tạ Thị Đoàn (2017), Phát triển nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Tạp chí Tài chính (tháng 9/2017);
3. Trần Thị Hà (2018), Các giải pháp tài khóa của Việt Nam nhằm ứng phó với tình hình khí hậu biến đổi ngày càng phức tạp, Kỷ yếu Hội thảo (tháng 7 năm 2018);
4. <https://www.customs.gov.vn>.